

Số: 1662/QĐ-XHNV-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận thí sinh trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-XHNV-SĐH ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV về việc ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 77 (bảy mươi bảy) thí sinh trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý quá trình đào tạo, xác định đề tài luận văn và cử cán bộ hướng dẫn học viên cao học. Học viên cao học và cán bộ hướng dẫn được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ ghi trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng phòng Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên cao học có tên trong danh sách nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu: HC-TH, SĐH.



Ngô Thị Phương Lan

Phụ lục
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC ĐỢT 2 NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-XHNV-SĐH, ngày ... tháng 12 năm 2022)
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

TT	SỐ BD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	Ngoại ngữ	KẾT QUẢ THI		TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
										Cơ bản	Cơ sở		
1	BC80067	Đoàn Quốc	Anh	Nam	24/04/1979	TP. HCM	8320101	Báo chí học	50.50	5.00	6.00	11.00	
2	BC80068	Phạm Văn	Dũng	Nam	02/05/1987	Bình Thuận	8320101	Báo chí học	XT Ngoại ngữ	6.50	5.50	12.00	
3	BC80072	Nguyễn Nhật Phương	Loan	Nữ	19/07/1999	Thừa Thiên Huế	8320101	Báo chí học	71.00	6.00	6.50	12.50	
4	BC80073	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	Nữ	02/10/1989	Bình Dương	8320101	Báo chí học	57.00	5.50	6.00	11.50	
5	BC80075	Trần Thị Ngọc	Ngân	Nữ	06/01/1998	Cần Thơ	8320101	Báo chí học	61.50	6.25	5.00	11.25	
6	BC80077	Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	20/05/1998	Thanh Hóa	8320101	Báo chí học	54.50	5.50	5.50	11.00	
7	BC80079	Lê Thị Hồng	Oanh	Nữ	05/09/1991	Bến Tre	8320101	Báo chí học	63.75	6.25	6.00	12.25	
8	BC80134	Tạ Đoàn Anh	Trí	Nam	02/01/1992	Quảng Ngãi	8320101	Báo chí học	53.75				XT
9	CN80003	Hoàng Thị	Lài	Nữ	03/02/1988	Thanh Hóa	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XT Ngoại ngữ	8.00	5.00	13.00	
10	CN80002	Lê Huỳnh	Lam	Nữ	04/08/1999	Bạc Liêu	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XT Ngoại ngữ	5.00	5.50	10.50	
11	CN80005	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	17/10/1996	Lâm Đồng	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XT Ngoại ngữ	5.00	8.50	13.50	
12	DL80099	Lai Duy	Long	Nam	06/06/2000	Kiên Giang	8310501	Địa lý học	56.75				XT
13	TR80090	Phạm Thị Hoàng	Hạnh	Nữ	16/06/1993	Tiền Giang	8810101	Du lịch	79.75	5.00	8.00	13.00	
14	TR80093	Trần Đình	Khang	Nam	17/04/2000	TP. HCM	8810101	Du lịch	79.50	7.00	7.00	14.00	
15	TR80094	Bùi Kiến	Khoa	Nam	26/07/1985	TP. HCM	8810101	Du lịch	XT Ngoại ngữ	5.00	6.25	11.25	
16	TR80096	Ngô Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/03/1996	Long An	8810101	Du lịch	55.00	5.75	9.00	14.75	
17	TR80097	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	13/08/1998	An Giang	8810101	Du lịch	53.25	5.75	9.00	14.75	
18		Trần Thị Thu	Hường	Nữ	11/03/1996	TP. HCM	8220104	Hán Nôm	XT Ngoại ngữ				TT



TT	SỐ BD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	Ngoại ngữ	KẾT QUẢ THI		TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
										Cơ bản	Cơ sở		
19	HN80100	Lê Minh	Khánh	Nam	16/06/2000	Long An	8220104	Hán Nôm	XT Ngoại ngữ				XHS
20	HN80101	Văn Thành	Long	Nam	14/07/2000	Long An	8220104	Hán Nôm	XT Ngoại ngữ				XHS
21	HN80102	Nguyễn Khoa	Thịnh	Nam	17/02/2000	Thừa Thiên Huế	8220104	Hán Nôm	XT Ngoại ngữ				XHS
22	TV80105	Nguyễn Đức	Côn	Nam	30/10/1987	Hà Nam	8320203	Khoa học thư viện	XT Ngoại ngữ				XHS
23	TV80106	Trần Thị Thu	Hoa	Nữ	21/07/2000	Ninh Thuận	8320203	Khoa học thư viện	XT Ngoại ngữ				XT
24	TV80107	Trần Thị Thúy	Hoa	Nữ	01/01/1999	Tây Ninh	8320203	Khoa học thư viện	58.50				XT
25		Lý Thị Huỳnh	Như	Nữ	06/01/1998	Trà Vinh	8320203	Khoa học thư viện	XT Ngoại ngữ				TT
26	LD80009	Nguyễn Văn Hoài	Dương	Nam	20/05/1997	Trà Vinh	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	6.00	8.00	14.00	
27	LD80010	Lê Tuấn	Khanh	Nam	06/10/1996	Sóc Trăng	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	7.50	7.00	14.50	
28	LD80011	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	30/06/1996	Thanh Hóa	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	6.00	6.00	12.00	
29	LD80012	Nguyễn Thị Hoàn	Thiện	Nữ	15/04/1998	Gia Lai	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	8.00	8.00	16.00	
30	LD80013	Bùi Thị Kiều	Trinh	Nữ	16/01/1997	Long An	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	6.00	6.50	12.50	
31	LD80014	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	13/10/1976	Quảng Bình	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	8.00	8.50	16.50	
32	LD80015	Hồ Văn	Xiêm	Nam	19/03/1996	Tiền Giang	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	XT Ngoại ngữ	7.00	5.50	12.50	
33	LV80108	Nguyễn Mạnh	Huy	Nam	20/03/1999	Đồng Nai	8229013	Lịch sử Việt Nam	XT Ngoại ngữ				XT
34	LV80019	Nguyễn Như	Ý	Nữ	03/10/1985	TP. HCM	8229013	Lịch sử Việt Nam	XT Ngoại ngữ	5.00	6.50	11.50	
35	NN80020	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	25/04/1996	Lâm Đồng	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	7.00	8.50	15.50	
36	NN80021	Lê Quang	Huy	Nam	06/04/1993	TP. HCM	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	6.00	5.50	11.50	
37	NN80022	Phan Thanh	Lệ	Nữ	17/08/1995	Quảng Ninh	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	5.50	5.00	10.50	
38	NN80024	Trần Thanh	Phương	Nữ	24/03/1997	TP. HCM	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	6.50	7.50	14.00	
39	NN80026	Trần Thị Ngọc	Tú	Nữ	10/10/1992	Bình Thuận	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	8.00	7.00	15.00	

TT	SỐ BD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	Ngoại ngữ	KẾT QUẢ THI		TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
										Cơ bản	Cơ sở		
40	NN80109	Nguyễn Linh	Tuấn	Nam	05/06/1999	Tiền Giang	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ				XT
41	NN80027	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	29/11/1999	Đồng Tháp	8229020	Ngôn ngữ học	XT Ngoại ngữ	8.50	8.50	17.00	
42	NP80129	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	Nữ	01/02/2000	TP. HCM	8220203	Ngôn ngữ Pháp	79.00				XT
43	NP80131	Nguyễn Gia	Huy	Nam	21/07/1999	Quảng Ngãi	8220203	Ngôn ngữ Pháp	73.00				XHS
44	NP80132	Vương Trọng	Phú	Nữ	19/01/2000	TP. HCM	8220203	Ngôn ngữ Pháp	86.00				XT
45	QT80030	Hoàng Văn	Hải	Nam	29/12/1999	Bình Dương	8310206	Quan hệ quốc tế	XT Ngoại ngữ	5.00	5.00	10.00	
46	QT80031	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	03/02/1994	Ninh Thuận	8310206	Quan hệ quốc tế	74.25	5.50	5.50	11.00	
47	QT80033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	08/08/1981	TP. HCM	8310206	Quan hệ quốc tế	54.75	5.00	6.50	11.50	
48	QT80110	Nguyễn Thành	Long	Nam	26/11/2000	TP. HCM	8310206	Quan hệ quốc tế	90.25				XT
49		Nguyễn Cao Bảo	Ngọc	Nữ	08/10/2000	Đồng Nai	8310206	Quan hệ quốc tế	XT Ngoại ngữ				TT
50	QT80035	Hoàng Thụy Thảo	Nguyên	Nữ	20/10/1989	TP. HCM	8310206	Quan hệ quốc tế	XT Ngoại ngữ	6.00	5.00	11.00	
51	QT80041	Dương Thị Huyền	Trâm	Nữ	19/03/1991	Thừa Thiên Huế	8310206	Quan hệ quốc tế	XT Ngoại ngữ	7.00	5.00	12.00	
52	QT80111	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	27/07/2000	Tiền Giang	8310206	Quan hệ quốc tế	XT Ngoại ngữ				XT
53	MT80112	Đỗ	Chiến	Nam	23/07/1993	Hòa Bình	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ				XHS
54	MT80113	Từ Công Minh	Em	Nam	07/02/1986	Ninh Thuận	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ				XHS
55		Trần Lê	Quang	Nam	30/03/1999	Bình Phước	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ				TT
56		Trần Thị Lập	Xuân	Nữ	14/04/2000	Phú Yên	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ				TT
57	TH80114	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	Nam	10/10/2000	Cần Thơ	8229001	Triết học	XT Ngoại ngữ				XT
58	TH80044	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	Nữ	14/05/1991	TP. HCM	8229001	Triết học	XT Ngoại ngữ	8.00	7.50	15.50	
59	TH80115	Đặng Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	07/12/1998	Tiền Giang	8229001	Triết học	XT Ngoại ngữ				XT
60	TH80116	Trương Võ Thiện	Nhiên	Nữ	01/01/2000	Kiên Giang	8229001	Triết học	XT Ngoại ngữ				XT
61	TH80051	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	06/04/1983	Long An	8229001	Triết học	XT Ngoại ngữ	7.50	5.00	12.50	

TT	SỐ BD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	Ngoại ngữ	KẾT QUẢ THI		TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
										Cơ bản	Cơ sở		
62		Nguyễn Thị Như	Hào	Nữ	02/10/2000	Tiền Giang	8229040	Văn hoá học	XT Ngoại ngữ				TT
63	VH80117	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	11/04/2000	Quảng Bình	8229040	Văn hoá học	59.00				XT
64	VH80055	Lê Hương	Ly	Nữ	17/07/1998	Nam Định	8229040	Văn hoá học	XT Ngoại ngữ	5.50	7.00	12.50	
65		Tăng Thị Tuyết	Ngân	Nữ	25/10/2000	Quảng Nam	8229040	Văn hoá học	XT Ngoại ngữ				TT
66	VH80056	Lâm Thiên	Nhật	Nam	22/11/1999	Đồng Nai	8229040	Văn hoá học	XT Ngoại ngữ	5.50	6.50	12.00	
67	VN80059	Nguyễn Ngọc Hồng	Hạnh	Nữ	08/03/1997	TP. HCM	8220242	Văn học nước ngoài	63.50	8.00	7.00	15.00	
68	VN80061	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	Nữ	05/09/1997	Bình Dương	8220242	Văn học nước ngoài	72.00	8.50	9.00	17.50	
69	VN80118	Lê Hồ Minh	Triết	Nữ	09/09/1999	TP. HCM	8220242	Văn học nước ngoài	72.00				XT
70	VV80062	Nguyễn Thái	Đạt	Nam	06/08/1988	Tiền Giang	8220121	Văn học Việt Nam	XT Ngoại ngữ	6.50	7.00	13.50	
71	VV80063	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	29/05/1986	Long An	8220121	Văn học Việt Nam	51.00	7.50	8.00	15.50	
72	NH80120	Moon Ki	Bbeum	Nữ	09/11/1994	Hàn Quốc	8310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ				XT
73	NH80064	Võ Ngọc Minh	Đan	Nữ	28/05/1999	TP. HCM	8310630	Việt Nam học	70.25	5.00	5.00	10.00	
74		Sikruadong Phra	Phalek	Nam	09/01/1991	Thái Lan	8310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ				TT
75	NH80122	Trần Bảo	Tâm	Nam	01/01/2000	Bình Định	8310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ				XT
76	NH80123	Jantamo Phra	Vorayut	Nam	17/02/1991	Thái Lan	8310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ				XT
77	XH80124	Đoàn Thị Thu	Hằng	Nữ	18/08/1981	Quảng Ngãi	8310301	Xã hội học	XT Ngoại ngữ				XHS

Danh sách có 77 thí sinh. 

Số: 1663/QĐ-XHNV-SDH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận thí sinh trúng tuyển dự bị tiến sĩ đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-XHNV-SDH ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV về việc ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-XHNV-SDH, ngày 11/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo dự bị tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 05 (năm) thí sinh trúng tuyển dự bị tiến sĩ đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý quá trình đào tạo và cử cán bộ hướng dẫn dự bị tiến sĩ. Dự bị tiến sĩ và cán bộ hướng dẫn được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ ghi trong Quy định đào tạo dự bị tiến sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng phòng Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên cao học có tên trong danh sách nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu: HC-TH, SDH.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Phương Lan

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN DỰ BỊ TIỀN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1663./QĐ-XHNV-SĐH, ngày 16. tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã ngành	Ngành dự tuyển	Ghi chú
1	Ngô Thị Thảo Phương	Nữ	25/02/1988	TP. HCM	9140114	Quản lý giáo dục	
2	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	12/05/1977	Hà Nội	9310302	Nhân học	
3	Nguyễn Bá Thường	Nam	19/07/1991	Hà Nội	9310302	Nhân học	
4	Đinh Lan Hương	Nữ	29/11/1984	Khánh Hòa	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	
5	Nguyễn Nhật Thành	Nam	10/03/1976	Quảng Nam	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	

Danh sách có 05 thí sinh. 

Số: 1664/QĐ-XHNV-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh đợt 3 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-XHNV-SĐH ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV về việc ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 19 (mười chín) thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh đợt 3 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý quá trình đào tạo, xác định đề tài luận án và cử cán bộ hướng dẫn nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh và cán bộ hướng dẫn được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ ghi trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng phòng Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các nghiên cứu sinh có tên trong danh sách nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /x

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu: HC-TH, SĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Phương Lan

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 3 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 16.64...../QĐ-XHNV-SDH, ngày 16.. tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

STT	SỐ BD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		GHI CHÚ
									Ngoại ngữ	Bảo vệ đề cương	
1	DT90135	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	06/05/1988	Tây Ninh	9310310	Dân tộc học	XT Ngoại ngữ	9.16	
2	ND90151	Nguyễn Thị Ánh	Đào	Nữ	14/06/1976	Bạc Liêu	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	XT Ngoại ngữ	6.00	
3	ND90152	Nguyễn Hồng	Oanh	Nữ	03/12/1986	Thừa Thiên Huế	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	XT Ngoại ngữ	8.30	
4	ND90153	Nguyễn Hoàng Thanh	Trang	Nữ	02/03/1983	Hải Phòng	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	XT Ngoại ngữ	7.00	
5	ND90154	Phạm Hương Ngọc	Uyên	Nữ	11/05/1986	TP. HCM	9222024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	XT Ngoại ngữ	8.17	
6	GD90137	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	08/04/1969	TP. HCM	9140114	Quản lý giáo dục	XT Ngoại ngữ	7.25	
7	GD90138	Nguyễn Ngọc	Tùng	Nam	02/07/1988	Bình Thuận	9140114	Quản lý giáo dục	XT Ngoại ngữ	7.25	
8	GD90139	Nguyễn Thanh	Vương	Nam	14/08/1991	Ninh Thuận	9140114	Quản lý giáo dục	XT Ngoại ngữ	8.00	
9	MT90140	Ngô An	Hạ	Nam	26/12/1977	Long An	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ	8.00	
10	MT90141	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	20/08/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ	8.58	
11	MT90142	Ngô Vũ	Sen	Nam	10/02/1986	Quảng Nam	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	XT Ngoại ngữ	7.92	
12	VH90143	Chu Chen	Yung	Nam	29/10/1988	Taiwan	9229040	Văn hóa học	XT Ngoại ngữ	7.00	
13	VV90144	Phạm Phi	Na	Nam	29/09/1986	Kiên Giang	9220121	Văn học Việt Nam	XT Ngoại ngữ	8.00	
14	VV90145	Lê Thụy Tường	Vi	Nữ	17/12/1980	TP. HCM	9220121	Văn học Việt Nam	XT Ngoại ngữ	9.00	
15	NH90146	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	10/01/1985	Tiền Giang	9310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ	7.30	
16	NH90147	Trần Mỹ	Ngọc	Nữ	15/12/1986	Bình Thuận	9310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ	8.30	
17	NH90148	Mai Đức	Sang	Nam	01/02/1959	Thừa Thiên Huế	9310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ	8.30	
18	NH90149	Nguyễn Hồ Anh	Tú	Nam	08/02/1989	Phú Yên	9310630	Việt Nam học	XT Ngoại ngữ	7.70	
19	XH90150	Trần Thị Ngọc	Nhờ	Nữ	26/03/1982	TP. HCM	9310301	Xã hội học	XT Ngoại ngữ	8.50	

Danh sách có 19 NCS. 

Số: /66A/QĐ-XHNV-SDH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận sinh viên trúng tuyển chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-ĐHQG, ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy định tạm thời về đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 04 (bốn) sinh viên trúng tuyển chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý quá trình đào tạo. Sinh viên được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ ghi trong Quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Lưu: HC-TH, SDH.



Ngô Thị Phương Lan

Phụ lục

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC - THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 1661...../QĐ-XHNV-SDH, ngày 16... tháng 12 năm 2022)

Stt	Ngành dự tuyển	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	SV khóa	Ngành học	Số TC đạt	Điểm TB	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
1	Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh	Kim Thị Mỹ Duyên	Nữ	07/06/2001	Đồng Nai	2019	Ngôn ngữ Anh	126	8.35	8.0	
2	Lý luận văn học	Trần Tuệ San	Nữ	05/01/2002	Cà Mau	2020	Văn học	77	8.62		
3	Quản lý giáo dục	Đậu Minh Huy	Nam	30/11/2002	Nghệ An	2020	Giáo dục học	82	8.69		
4	Văn học Việt Nam	Trần Thị Mộng Tuyền	Nữ	27/01/2001	Trà Vinh	2019	Văn học	114	7.38		

Danh sách có 04 thí sinh ././